

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 10/2023/DS-GĐT

Ngày 06/4/2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuân;

Ông Trần Hồng Hà;

Ông Ngô Tiến Hùng;

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị H, sinh năm 1942; cư trú tại: Số 2, Tổ 1, Khu phố 1, thị trấn HM, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Bị đơn:*** Bà Trần Kim K, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 3 ấp Thới Tây 1, xã TH, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Huỳnh Thị Kim H1, sinh năm 1991;

2. Anh Huỳnh Tấn T, sinh năm 1995;

Cùng cư trú tại: Số 3 ấp Thới Tây 1, xã TH, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Đình K1, sinh năm 1970;

4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972;

Cùng cư trú tại: Ấp 8, xã MB, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Khu phố 7, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh.

Người đại diện hợp pháp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Thanh T2 - Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện CC là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2016).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo “Đơn khởi kiện” ngày 12/10/2006, “Đơn yêu cầu tiếp tục giải quyết” ngày 16/6/2010 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Lê Thị H (do ông Ngô Minh Đ là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Năm 1965, bà Lê Thị H được vợ chồng cụ Huỳnh Văn T3, cụ Lý Thị H2 (cha dượng và mẹ ruột) giao canh tác 9.223m² đất tại xã BM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 06/11/1990, bà H được Ủy ban nhân dân xã BM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời với diện tích 9.223m² đất thuộc thửa 8, tờ bản đồ số 5 tại xã BM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/4/1995, bà H giao cho mẹ là cụ Lý Thị H2 2000m² đất nằm trong diện tích 9.223m² đất nêu trên để cụ H2 cho ông Huỳnh Văn U là con cụ H2 canh tác nhằm có thu nhập chăm lo cụ H2.

Ngày 08/8/1995, bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7.200m² thuộc thửa số 1 và 17, tờ bản đồ số 2, xã BM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh và ngày 23/5/2000, bà H được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7.200m² đất thuộc thửa số 1 và 17, tờ bản đồ số 2, xã BM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, việc ông U được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H không biết; năm 2003, sau khi ông U chết thì bà Trần Kim K là vợ ông U tự ý làm thủ tục chuyển sang tên bà K, trong khi năm 2003 cụ H2 đã đồng ý giao trả lại cho bà H diện tích 2000m² đất này.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng 2000m² đất tranh chấp cho bà và buộc bị đơn là bà K phải trả lại 2000m² đất này. Bà H không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn. Tại Tòa án, bà H không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với diện tích ông U được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại “Đơn yêu cầu phản tố” ngày 09/9/2015 của bị đơn là bà Trần Kim K và trong quá trình tố tụng (do ông Lê Đức T4 là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Diện tích 2000m² đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn U là chồng bà K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện CC cấp ngày 08/8/1995 thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 2 tại xã BM.

Năm 2003, ông U chết nên bà K làm thủ tục thừa kế phần đất này được sự đồng ý của cụ H2 là mẹ ông U và các con ông U, nên ngày 12/01/2004, bà K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Diện tích đất này do vợ chồng ông U, bà K quản lý, sử dụng từ trước đến nay, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, do phát hiện có sự nhầm lẫn về thông tin thửa đất được cấp, cụ thể: Từ khi ông U được cấp đến khi bà K được thừa kế thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều là phần đất có diện tích 2000m² thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 2 tại xã BM, huyện CC; tuy nhiên, đúng thực tế thì 2000m² đất thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 2 tại xã BM, huyện CC, mà thửa 17 này lại được cấp cho bà H nên Ủy ban nhân dân huyện CC có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên (bà H, bà K) với lý do cấp sai thửa để điều chỉnh lại cho đúng. Do bà H có tranh chấp, nên Ủy ban nhân dân huyện CC chưa thực hiện việc điều chỉnh cấp lại cho bà H, bà K.

Do vậy, bà K không chấp nhận yêu cầu của bà H; đồng thời, bà K có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận đất tranh chấp cho bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Kim H1 và anh Huỳnh Tấn T (con ông U, bà K) thống nhất trình bày trên của bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Nguyễn Đình K1, Nguyễn Thị T1 cho rằng ông, bà chỉ là người thuê đất sử dụng trồng rau từ bà H, không liên quan đến diện tích đất tranh chấp của bà H, bà K và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CC (do ông Phan Thanh T2 là người đại diện theo ủy quyền) cho rằng: Ông Huỳnh Văn U được Ủy ban nhân dân huyện CC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/8/1995 đối với diện tích 2000m² đất thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 2 tại xã BM, huyện CC. Năm 2003 ông U chết, bà K làm thủ tục xin thừa kế và ngày 12/01/2004 bà K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2000m² thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 2 tại xã BM, huyện CC.

Đối với yêu cầu của đương sự, Chi nhánh văn phòng đăng ký nhà đất không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 549/2017/DS-ST ngày 09/10/2017, Tòa án nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Lê Thị H

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Trần Kim K.

Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.996,9m² tại xã BM, huyện CC cho bà Trần Kim K.

Buộc bà Lê Thị H, anh Nguyễn Đình K1 và chị Nguyễn Thị T1 trả lại diện tích 1.996,9m² đất cho bà K ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 10/10/2017, bà Lê Thị H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 411/2018/DS-PT ngày 24/4/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 549/2017/DS-ST ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp có diện tích thực tế sau khi đo đạc là 1.996,9m² tại khu 1 theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 19/6/2013 của Công ty TNHH tư vấn xây dựng thương mại - đo đạc và bản đồ Phú Gia Thịnh cho bà H và yêu cầu bà Trần Kim K trả phần đất này cho bà.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Kim K.

Công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích thực tế sau khi đo đạc là 1996,9m² đất tại khu 1 theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 19/6/2013 của Công ty TNHH tư vấn xây dựng thương mại - đo đạc và bản đồ Phú Gia Thịnh là di sản của ông Huỳnh Văn U chồng của bà Trần Kim K chết để lại.

Buộc bà Lê Thị H, anh Nguyễn Đình K1 và chị Nguyễn Thị T1 giao trả lại diện tích 1.996,9m² đất tại xã BM, huyện CC cho bà K ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trần Kim K và những người thừa kế của ông Huỳnh Văn U được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục khai nhận di sản hoặc phân chia di sản theo quy định pháp luật.

Ngày 22/5/2018, bà Lê Thị H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 144/2020/KN- DS ngày 16/10/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 411/2018/DS-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 549/2017/DS-ST ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CC xét xử sơ thẩm lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 46/2021/DS-GĐT ngày 19/01/2021, Ủy ban

Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 144/2020/KN-DS ngày 16/10/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 411/2018/DS-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 549/2017/DS-PT ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CC xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm, bà Trần Kim K có đơn đề nghị xem xét lại Quyết định giám đốc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 64/2022/KN-DS ngày 06/12/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 46/2021/DS-GĐT ngày 19/01/2021 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định giám đốc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 411/2018/DS-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Diện tích 9.223m² đất tọa lạc tại xã BM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của vợ chồng cụ Lý Thị H2 (mẹ đẻ bà Lê Thị H), cụ Huỳnh Văn T3 (cha đẻ bà Lê Thị H) nhận chuyển nhượng của cụ Cao Đức D vào năm 1954 theo “Tờ bán đứt ruộng, đất” lập ngày 08/3/1954. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của cụ D, cụ T3 và cụ H2 quản lý, sử dụng đến năm 1965 giao lại cho bà Lê Thị H quản lý, sử dụng. Ngày 31/12/1976, bà H viết “Giấy đăng ký ruộng” toàn bộ diện tích đất nêu trên tại Ủy ban nhân dân xã BM, có xác nhận của Ban chấp hành Nông hội xã. Ngày 06/11/1990, bà H đăng ký, kê khai và được Ủy ban nhân dân xã BM cấp “Giấy chứng nhận tạm thời quyền sử dụng ruộng đất” đối với diện tích 9.223m² đất (loại đất 2 Lúa và Mía) thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 5 tại xã BM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Do cụ Lý Thị H2 và bà Lê Thị H tranh chấp diện tích đất nêu trên, nên ngày 23/4/1995, Ban nhân dân Ấp 8 có “Biên bản giải quyết ruộng đất”. Theo đó, bà H đồng ý giao lại 2.000m² đất cho mẹ (cụ H2) quản lý, sử dụng. Bà H đã thực hiện thỏa thuận theo “Biên bản giải quyết ruộng đất” nêu trên và giao cho cụ H2 2.000m² đất như đã thỏa thuận (đo đạc thực tế là 1.996,9m² đất) tại thửa

17, tờ bản đồ số 2 (giáp với đường đất); cụ H2 đã nhận đất về ở cùng vợ chồng con trai là ông Huỳnh Văn U (U anh), bà Trần Kim K; đồng thời, cụ H2 chuyển hộ khẩu về cùng với hộ ông U (nội dung thay đổi hộ khẩu là: “về nhà ở của con, có người chăm sóc lúc tuổi già”). Ngày 03/5/1995, ông U có “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất” đối với 2.000m² đất nêu trên, nội dung: “nguồn gốc được mẹ ủy quyền lại theo Biên bản giải quyết của Ấp 8 ngày 23/4/1995” và ông U có gửi kèm theo “Biên bản giải quyết ruộng đất” ngày 23/4/1995 (bản gốc); Đơn đã được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận ruộng đất xã BM chứng nhận. Do vậy, có cơ sở xác định khi cụ H2 về ở cùng với vợ chồng ông U, bà K, cụ H2 đã giao 2.000m² đất cùng “Biên bản giải quyết ruộng đất” ngày 23/4/1995 nêu trên cho ông U, bà K quản lý, sử dụng và đứng kê khai xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất. Ngày 08/8/1995, Ủy ban nhân dân huyện CC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.000m² đất cho ông U.

[3] Thực tế, cùng năm 1995, bà H cũng đăng ký, kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bà H chỉ kê khai đối với 7.200m²/9.223m² đất mà không đăng ký, kê khai 2.000m² đất và ngày 08/8/1995, Ủy ban nhân dân huyện CC đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H cùng ngày, tháng, năm với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông U). Có nghĩa là, bà H thừa nhận và xác nhận diện tích 2.000m² này không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà.

[4] Tại “Biên bản hòa giải” ngày 13/5/2008, bà H trình bày: “Tôi có 9.200m² đất...Năm 1996, tôi có đưa cho mẹ tôi (Lý Thị H2) 2.000m² đất để canh tác, nhưng do ông U (con cụ H2) ở chung cụ H2 nên ông U đã canh tác 2.000m² đất thế mẹ tôi...”. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06/10/2017, ông Ngô Minh Đ (là người đại diện theo ủy quyền của bà H) trình bày: Năm 1995 bà H cho mẹ là cụ H2 2.000m² đất nằm trong 9.200m² đất để cụ H2 cho ông U con cụ H2 canh tác có thu nhập chăm lo cụ H2 lúc tuổi già. Tại Tòa án, bà H thừa nhận bà đồng ý giao lại cho cụ H2 2.000m² đất có nguồn gốc của cụ H2 cho bà trước đây để ông U nuôi cụ H2. Như vậy, diện tích 2.000m² đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà H, mà phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ H2, nên cụ H2 có quyền định đoạt cho ông U (cụ H2 giao 2.000m² đất cùng “Biên bản giải quyết ruộng đất” ngày 23/4/1995 nêu trên cho ông U quản lý, sử dụng và đứng kê khai xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất). Việc Ủy ban nhân dân huyện CC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U là đúng đối tượng.

[5] Sau khi ông U chết (năm 2003), ngày 11/12/2003 bà K (vợ ông U) lập thủ tục chuyển quyền thừa kế phần đất của ông U và được Ủy ban nhân dân huyện CC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H, bà K nêu trên đều bị Ủy ban nhân dân huyện CC ra Quyết định thu hồi, lý do: cấp sai vị trí thửa đất (không phải cấp sai đối

tượng) và sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế sử dụng của mỗi bên. Do đó, việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K không ảnh hưởng đến hồ sơ xin cấp đất ban đầu của ông U.

[6] Cùng thời điểm sau khi ông U chết, cụ H2 ký tại “Đơn xin đăng ký ruộng đất” của bà H có nội dung đồng ý trả lại cho bà H 2.000m² đất để bà H đăng ký, sử dụng. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, sau khi cụ H2 nhận 2.000m² đất do bà H trả lại, cụ H2 đã giao toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng ông U canh tác và chăm sóc cụ, đồng thời cụ H2 còn giao “Biên bản giải quyết ruộng đất” giữa cụ H2 với bà H ngày 23/4/1995 cho ông U để ông U làm thủ tục kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông U đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận việc cụ H2 giao lại cho bà H diện tích đất cụ H2 đã cho vợ chồng ông U, bà K. Hiện nay cụ H2 đã chết (cụ H2 chết năm 2008). Quyết định giám đốc thẩm giao sơ thẩm xét xử lại để giám định dấu vân tay của cụ H2 là không cần thiết.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã có văn bản thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông U; đã lấy lời khai của Ủy ban nhân dân xã liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U và việc Ủy ban nhân dân huyện CC căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân xã MB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông U. Do vậy, Quyết định giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm và Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại, thu thập ý kiến của cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U là không đúng.

[8] Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất, không khởi kiện yêu cầu chia thừa kế; bà K không yêu cầu chia thừa kế. Thực tế, Tòa án cấp phúc thẩm xác định đất tranh chấp là của ông U và chỉ công nhận đất cho những người thừa kế của ông U nên không đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H2 tham gia tố tụng là đúng. Quyết định giám đốc thẩm cho rằng cần phải đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H2 tham gia tố tụng là không đúng.

[9] Quyết định số 44262/QĐ-UBND và Quyết định số 44256/QĐ-UBND cùng ngày 24/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện CC, Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã BM chỉ là chứng cứ xác định bà H đã đồng ý trả lại đất cho cụ H2. Theo các “Văn bản xác nhận” ngày 02/10/2017 của bà Huỳnh Thị Thạch K2, ông Huỳnh Công M, ông Huỳnh Văn U (U em) là những người con của cụ H2 đều khẳng định các ông, bà không liên quan đến vụ án trên và cam kết không khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến vụ án này. Do vậy, Quyết định giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm và Bản án sơ thẩm, đưa bà Huỳnh Thị Thạch K2 tham gia tố tụng để giải quyết lại vụ án là không cần thiết.

[10] Như đã nêu ở trên, nguồn gốc toàn bộ diện tích 9.223m² đất là của cụ T3, cụ H2 (là bố, mẹ đẻ ông U), nhưng bà H (là con của cụ H2 và cụ Lê Văn G - bố đẻ bà H) được quản lý, sử dụng 7.200m² đất; còn ông U chỉ được quản lý, sử dụng 1.996,9m² đất. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là di sản của ông U là có căn cứ và hợp tình, hợp lý. Quyết định giám đốc thẩm quyết định hủy Bản án dân sự phúc thẩm, Bản án dân sự sơ thẩm, giao xét xử sơ thẩm lại là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 337, khoản 2 Điều 343 và Điều 344 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 64/2022/KN-DS ngày 06/12/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 46/2021/DS-GĐT ngày 19/01/2021 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 411/2018/DS-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là bà Lê Thị H với bị đơn là bà Trần Kim K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC - Vụ 9;
- Vụ Tổng hợp - TANDTC (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán, Vụ GDKT II TANDTC (3 bản), hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Minh Thủy